

Hà Nội, ngày 28 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc công nhận kết quả chấm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp,
thi tốt nghiệp đợt 2 năm 2025**

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ CAO HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 1267/QĐ-LĐTĐBXH ngày 15/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc sáp nhập Trường Cao đẳng Công nghệ và Môi trường Hà Nội vào Trường Cao đẳng nghề Công nghệ cao Hà Nội và đổi tên thành Trường Cao đẳng Công nghệ cao Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 171/QĐ-CĐCNC ngày 07/4/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghệ cao Hà Nội về việc ban hành quy chế đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng cho các khóa tuyển sinh từ năm học 2022-2023;

Căn cứ Quyết định số 172/QĐ-CĐCNC ngày 07/04/2023 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghệ cao Hà Nội về việc ban hành quy chế đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng cho các khóa tuyển sinh từ trước năm học 2022-2023;

Căn cứ Kế hoạch số 384/KH-CĐCNC ngày 10/03/2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghệ cao Hà Nội về việc thi và bảo vệ tốt nghiệp năm 2025;

Căn cứ Thông báo số 1785/TB-CĐCNC ngày 21/08/2025 về việc tổ chức thi, xét tốt nghiệp đợt 2 năm 2025;

Căn cứ kết quả chấm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp, thi tốt nghiệp đợt 2 năm 2025;
Theo đề nghị của Hội đồng thi tốt nghiệp năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả chấm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp, thi tốt nghiệp đợt 2 năm 2025. (Có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng các Phòng, Khoa, Trung tâm, các đơn vị liên quan và học sinh, sinh viên có tên trong Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT, QLĐT-KHCN.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Lê Danh Quang

BẢNG ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP ĐỢT 2 NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 2398/QĐ-CD-CĐNC ngày 28 / 10 / 2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghệ Cao Hà Nội)



TT	Mã HSSV	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Điểm LTN	Điểm THN	Ghi chú
KHÓA 14 HỆ CAO ĐẲNG 9+/ TRUNG CẤP							
1	14150110008	Phùng Mạnh Tiến	Han1 - K14.CĐ9+	12/01/2008	5.0	7.0	
2	14150110002	Dương Minh Tú	Han1 - K14.CĐ9+	23/07/2008	5.0	8.0	
3	14150120019	Vũ Mạnh Đăng	CGKL1 - K14.CĐ9+	20/03/2008	6.0	5.5	
4	14150120017	Nguyễn Minh Hiếu	CGKL1 - K14.CĐ9+	30/08/2008	6.5	8.0	
5	14150120023	Nguyễn Xuân Lộc	CGKL1 - K14.CĐ9+	12/09/2008	7.0	5.5	
6	14150120001	Đoàn Văn Phú	CGKL1 - K14.CĐ9+	08/08/2008	5.0	5.0	
7	14150120004	Đỗ Danh Tùng	CGKL1 - K14.CĐ9+	23/12/2008	6.0	8.0	
8	14070120003	Nguyễn Duy Hiệp	CGKL - K14. TC	20/11/2003	5.5	7.5	
9	14150410005	Trần Văn Quân	ĐCNI - K14.CĐ9+	23/12/2008	0.0	9.0	
10	14150440001	Đỗ Viết Giang	ĐTCNI - K14.CĐ9+	04/07/2008	8.5	7.0	
11	14150440005	Nguyễn Tuấn Hùng	ĐTCNI - K14.CĐ9+	22/10/2008	8.5	6.5	
12	14150440016	Nguyễn Phan Đức Hưng	ĐTCNI - K14.CĐ9+	29/01/2008	7.5	8.0	
13	14150440012	Phùng Văn Minh Huy	ĐTCNI - K14.CĐ9+	23/01/2008	9.0	9.5	
14	14150440014	Lê Văn Kiên	ĐTCNI - K14.CĐ9+	18/08/2008	9.0	9.0	
15	14150440013	Nguyễn Đức Kiên	ĐTCNI - K14.CĐ9+	19/11/2008	8.5	9.0	
16	14150440011	Nguyễn Hải Nam	ĐTCNI - K14.CĐ9+	17/10/2008	7.0	7.5	
17	14150440010	Trịnh Cao Thanh	ĐTCNI - K14.CĐ9+	08/08/2008	8.0	8.5	
18	14150440015	Đỗ Xuân Trường	ĐTCNI - K14.CĐ9+	28/09/2008	8.5	9.0	
19	14150440008	Nguyễn Khắc Trường	ĐTCNI - K14.CĐ9+	14/02/2008	7.0	8.5	
20	14150450001	Nguyễn Trọng Bắc	SCMT1 - K14.CĐ9+	04/11/2008	8.5	7.0	
21	14150450009	Nguyễn Duy An Bình	SCMT1 - K14.CĐ9+	04/02/2008	10.0	8.0	
22	14150450007	Nguyễn Hữu Dương	SCMT1 - K14.CĐ9+	17/10/2008	8.5	6.0	
23	14150450004	Nguyễn Quang Đô	SCMT1 - K14.CĐ9+	03/09/2008	8.5	7.0	
24	14150450011	Dương Nhật Khôi	SCMT1 - K14.CĐ9+	23/11/2008	9.5	5.0	
25	14150450002	Kiều Huy Minh	SCMT1 - K14.CĐ9+	29/07/2008	8.0	5.0	
26	14150450015	Vương Công Minh	SCMT1 - K14.CĐ9+	30/05/2008	7.0	5.0	
27	14150450016	Đỗ Minh Quân	SCMT1 - K14.CĐ9+	21/09/2008	9.5	8.0	
28	14150450018	Tạ Duy Tú	SCMT1 - K14.CĐ9+	15/05/2008	7.0	5.0	
29	14150450008	Nguyễn Bá Dương	SCMT - K14. CĐ 9+	12/12/2008	9.0	5.0	
30	14150430017	Nguyễn Chí Dũng	ML1 - K14. CĐ 9+	27/01/2008	1.0	7.0	
31	14150430015	Nguyễn Kim Quân	ML1 - K14. CĐ 9+	27/05/2008	1.0	8.0	

TT	Mã HSSV	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Điểm LTN	Điểm THN	Ghi chú
32	14150430005	Nguyễn Trung Quảng	ML1 - K14. CD 9+	12/08/2008	1.5	7.0	
33	14150430010	Bùi Cao Sơn	ML1 - K14. CD 9+	22/01/2008	5.0	8.0	
34	14150430001	Trịnh Anh Tùng	ML1 - K14. CD 9+	15/05/2008	5.0	7.0	
35	14150230024	Nguyễn Phú Tuấn Anh	TKĐH1 - K14.CĐ 9+	01/09/2008	5.0	8.5	
36	14150230019	Trần Nhật Anh	TKĐH1 - K14.CĐ 9+	12/08/2008	7.5	8.5	
37	14150230008	Phạm Thành Công	TKĐH1 - K14.CĐ 9+	27/05/2008	5.5	6.0	
38	14150230029	Nguyễn Trung Kiên	TKĐH1 - K14.CĐ 9+	18/06/2008	5.0	7.0	
39	14150230043	Cao Viên Ngọc Minh	TKĐH1 - K14.CĐ 9+	22/04/2008	5.0	7.5	
40	14150230041	Phạm Diệu Minh	TKĐH1 - K14.CĐ 9+	03/02/2008	7.0	8.0	
41	14150230006	Nguyễn Thế Phong	TKĐH1 - K14.CĐ 9+	15/12/2007	5.0	7.0	
42	14150230020	Nguyễn Thị Bích Phượng	TKĐH1 - K14.CĐ 9+	17/10/2008	5.5	5.0	
43	14150230015	Nguyễn Hồng Quyên	TKĐH1 - K14.CĐ 9+	17/06/2008	7.0	8.5	
44	14150230013	Nguyễn Văn Thuy	TKĐH1 - K14.CĐ 9+	16/10/2008	6.5	7.0	
45	14150230003	Phạm Thanh Thủy	TKĐH1 - K14.CĐ 9+	09/01/2008	5.0	6.0	
46	14150230036	Nguyễn Đức Tùng	TKĐH1 - K14.CĐ 9+	01/08/2008	5.0	8.0	
47	14150230037	Lê Văn Vũ	TKĐH1 - K14.CĐ 9+	19/10/2008	5.0	7.5	
48	14150230022	Nguyễn Thị Hải Yến	TKĐH1 - K14.CĐ 9+	22/07/2008	5.5	7.5	
49	14150230007	Trương Hải Yến	TKĐH1 - K14.CĐ 9+	27/01/2008	6.0	6.5	
50	14150230012	Lê Xuân Đức Anh	TKĐH1 - K14.CĐ 9+	17/05/2003	5.0	7.5	
51	14150230028	Vương Văn Long	TKĐH1 - K14.CĐ 9+	13/08/2008	2.5	5.0	
52	14150230018	Nguyễn Ê Li	TKĐH1 - K14.CĐ 9+	30/06/2008	6.0	8.0	
53	14150230047	Trương Cao Minh	TKĐH1 - K14.CĐ 9+	05/05/2008	5.5	6.5	
54	14150230040	Đinh Thị Ngọc Oanh	TKĐH1 - K14.CĐ 9+	15/07/2008	7.0	7.5	
55	141502300004	Trần Thị Thùy Trang	TKĐH1 - K14.CĐ 9+	12/09/2008	7.0	8.5	
56	14150230023	Nguyễn Thị Phương Trinh	TKĐH1 - K14.CĐ 9+	10/10/2008	5.5	7.0	
57	14150230210	Lương Tuấn Anh	CS2.TKĐH2.K14.CĐ9+	22/07/2008	3.5	5.0	
58	14150230217	Lê Quang Thành Đạt	CS2.TKĐH2.K14.CĐ9+	11/07/2007	5.0	8.5	
59	14150230201	Đỗ Thế Sinh	CS2.TKĐH2.K14.CĐ9+	02/04/2008	7.5	7.0	
60	14150230203	Đinh Thanh Tâm	CS2.TKĐH2.K14.CĐ9+	17/12/2008	8.0	7.0	
61	14150230212	Đặng Khánh Vy	CS2.TKĐH2.K14.CĐ9+	30/08/2008	8.0	6.5	
62	14150230213	Vũ Nguyễn Hoàng Anh	CS2.TKĐH2.K14.CĐ9+	24/06/2008	2.5	5.0	
63	14150230206	Đặng Minh Trí	CS2.TKĐH2.K14.CĐ9+	03/10/2008	5.0	5.0	
64	14150820006	Vũ Nhật Minh	TKĐH - K14.TC	03/01/2003	5.5	7.5	
65	14150260039	Nghiêm Phú Đức Anh	UDPM1 - K14.CĐ9+	20/01/2008	1.0	5.5	

TT	Mã HSSV	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Điểm LTN	Điểm THN	Ghi chú
66	14150260025	Nguyễn Tuấn Anh	UDPM1 - K14.CĐ9+	23/12/2007	5.0	8.0	
67	14150260018	Nguyễn Khánh Chương	UDPM1 - K14.CĐ9+	16/10/2008	4.0	5.5	
68	14150260021	Nguyễn Đăng Đạt	UDPM1 - K14.CĐ9+	08/12/2008	7.0	6.5	
69	14150260050	Nguyễn Quang Huy	UDPM1 - K14.CĐ9+	21/08/2008	6.5	6.5	
70	14150260035	Nguyễn Hoàng Nam	UDPM1 - K14.CĐ9+	24/05/2008	7.5	5.5	
71	14150260006	Nguyễn Mạnh Nam	UDPM1 - K14.CĐ9+	09/04/2008	7.0	5.0	
72	14150260001	Nguyễn Viết Sơn	UDPM1 - K14.CĐ9+	29/12/2008	5.5	5.5	
73	14150260040	Lê Văn Toàn	UDPM1 - K14.CĐ9+	20/01/2007	5.0	6.0	
74	14150260043	Ngô Khánh Trinh	UDPM1 - K14.CĐ9+	19/10/2007	5.0	6.5	
75	14150260012	Trần Mạnh Tuấn	UDPM1 - K14.CĐ9+	24/09/2008	6.5	6.0	
76	14150260005	Trịnh Danh Vỹ	UDPM1 - K14.CĐ9+	02/08/2008	8.5	7.5	
77	14150260024	Đặng Linh Ngọc	UDPM1 - K14.CĐ9+	27/02/2008	5.0	5.5	
78	14150260227	Ngô Văn Bảo Anh	UDPM2 - K14.CĐ9+	15/12/2008	7.0	5.5	
79	14150260218	Nguyễn Đức Anh	UDPM2 - K14.CĐ9+	04/08/2008	5.5	7.0	
80	14150260207	Ngô Văn Cộng	UDPM2 - K14.CĐ9+	02/07/2008	5.0	5.0	
81	14150260219	Nguyễn Văn Thành Đạt	UDPM2 - K14.CĐ9+	08/10/2008	7.5	6.5	
82	14150260052	Trần Minh Đức	UDPM2 - K14.CĐ9+	18/11/2008	5.0	5.0	
83	14150260209	Tạ Duy Hạo	UDPM2 - K14.CĐ9+	30/09/2008	5.5	5.5	
84	14150260232	Đặng Quang Huy	UDPM2 - K14.CĐ9+	17/07/2008	7.5	7.0	
85	14150260210	Nguyễn Đỗ Trung Kiên	UDPM2 - K14.CĐ9+	06/01/2008	5.5	5.0	
86	14150260222	Nguyễn Khánh Linh	UDPM2 - K14.CĐ9+	19/11/2008	5.0	5.5	
87	14150260202	Kiều Văn Long	UDPM2 - K14.CĐ9+	30/10/2008	7.0	5.0	
88	14150260220	Nguyễn Bảo Nam	UDPM2 - K14.CĐ9+	17/12/2008	6.5	7.0	
89	14150260228	Nguyễn Đình Vinh Quang	UDPM2 - K14.CĐ9+	19/05/2008	3.0	5.5	
90	14150260216	Bùi Minh Thảo	UDPM2 - K14.CĐ9+	07/05/2008	6.5	7.0	
91	14150260204	Ngô Văn Toàn	UDPM2 - K14.CĐ9+	03/01/2008	7.0	7.5	
92	14150260217	Nguyễn Anh Tuấn	UDPM2 - K14.CĐ9+	11/03/2008	6.0	7.0	
93	14150260208	Phan Thanh Tùng	UDPM2 - K14.CĐ9+	28/12/2008	5.0	5.5	
94	14061000011	Phạm Thị Thùy Linh	UDPM - K14.TC	01/11/2005	5.5	5.0	
95	14150610005	Trần Hà Anh	KTDN1 - K14.CĐ9+	20/11/2008	6.0	6.5	
96	14150610006	Nguyễn Hồng Ánh	KTDN1 - K14.CĐ9+	10/01/2008	4.0	6.5	
97	14150610007	Nguyễn Thị Yên Chi	KTDN1 - K14.CĐ9+	25/10/2008	8.5	10.0	
98	14150610002	Nguyễn Huyền My	KTDN1 - K14.CĐ9+	16/01/2008	7.0	6.5	
99	14150610009	Trương Thị Kim Thanh	KTDN1 - K14.CĐ9+	29/10/2008	8.0	5.5	

TT	Mã HSSV	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Điểm LTN	Điểm THN	Ghi chú
100	14150610003	Nguyễn Thu Trang	KTDN1 - K14.CĐ9+	02/04/2008	7.0	9.5	
101	14150610008	Đỗ Thanh Vy	KTDN1 - K14.CĐ9+	24/05/2008	7.5	10.0	
102	14150610001	Đặng Thùy Tiên	KTDN1 - K14.CĐ9+	24/06/2008	7.5	6.5	
103	14150620004	Lưu Quỳnh Anh	QTDN - K14.CĐ 9+	11/11/2008	9.0	9.0	
104	14150620002	Nguyễn Hiếu Vi Anh	QTDN - K14. CĐ 9+	21/11/2008	6.0	8.5	
105	14150810026	Lý Phương Anh	CSSĐ1 - K14.CĐ9+	17/07/2008	8.5	9.0	
106	14150810023	Phạm Thanh Hằng	CSSĐ1 - K14.CĐ9+	04/11/2008	8.5	8.5	
107	14150810039	Vương Bích Hạnh	CSSĐ1 - K14.CĐ9+	28/10/2008	8.0	8.8	
108	14150810052	Trần Thị Hiền	CSSĐ1 - K14.CĐ9+	05/08/2007	8.0	8.5	
109	14150810048	Trần Thị Huệ	CSSĐ1 - K14.CĐ9+	31/03/2008	8.0	8.5	
110	14150810005	Đặng Thị Phương Linh	CSSĐ1 - K14.CĐ9+	30/06/2008	7.5	8.5	
111	14150810029	Doãn Trà My	CSSĐ1 - K14.CĐ9+	11/04/2008	7.0	8.5	
112	14150810049	Nguyễn Hải Ngân	CSSĐ1 - K14.CĐ9+	02/08/2008	8.0	8.8	
113	14150810009	Nguyễn Hà Phương	CSSĐ1 - K14.CĐ9+	26/11/2008	7.0	8.5	
114	14150810020	Nguyễn Thị Hải Sơn	CSSĐ1 - K14.CĐ9+	03/11/2008	7.5	9.0	
115	14150810040	Nguyễn Thị Phương Thúy	CSSĐ1 - K14.CĐ9+	19/09/2008	7.5	9.0	
116	14150810013	Nguyễn Thị Thu Thủy	CSSĐ1 - K14.CĐ9+	09/05/2008	7.5	8.5	
117	14150810054	Nguyễn Duy Thùy Trang	CSSĐ1 - K14.CĐ9+	09/06/2008	7.5	9.0	
118	14150810011	Nguyễn Như Trà Vinh	CSSĐ1 - K14.CĐ9+	03/11/2008	7.0	9.0	
119	15130810053	Trần Thị Hồng Thắm	CSSĐ1 - K14.CĐ9+	26/11/2004	8.5	8.2	
120	14150810018	Trần Thị Thu Huyền	CSSĐ1 - K14.CĐ9+	07/09/2008	8.0	8.2	
121	14150810003	Nguyễn Thị Uyên Nhi	CSSĐ1 - K14.CĐ9+	18/01/2008	8.0	8.0	
122	14150810308	Nguyễn Thu Phương	CSSĐ1 - K14.CĐ9+	29/08/2008	7.5	8.0	
123	14150810203	Nguyễn Thị Thùy Chi	CSSĐ2 - K14.CĐ9+	08/11/2008	7.5	9.0	
124	14150810218	Lê Thu Hồng	CSSĐ2 - K14.CĐ9+	10/06/2008	8.5	8.5	
125	14150810217	Nguyễn Thị Thu Hương	CSSĐ2 - K14.CĐ9+	18/07/2008	7.5	8.5	
126	14150810223	Nguyễn Thanh Huyền	CSSĐ2 - K14.CĐ9+	12/09/2008	8.0	8.5	
127	14150810224	Vũ Thị Khánh Ly	CSSĐ2 - K14.CĐ9+	12/06/2007	8.0	9.0	
128	14150810226	Nguyễn Đặng Hồng Minh	CSSĐ2 - K14.CĐ9+	09/11/2008	7.5	9.0	
129	14150810211	Phan Thanh Thảo	CSSĐ2 - K14.CĐ9+	30/09/2008	7.0	7.4	
130	14150810214	Phan Thị Thanh Thảo	CSSĐ2 - K14.CĐ9+	08/11/2008	7.5	7.2	
131	14150810208	Nguyễn Thị Thu Trang	CSSĐ2 - K14.CĐ9+	09/02/2008	8.5	8.2	
132	14150810209	Lê Hoàng Yến	CSSĐ2 - K14.CĐ9+	03/09/2008	7.0	8.0	
133	14150810209	Phan Bảo Linh	CSSĐ2 - K14.CĐ9+	08/02/2008	8.0	7.5	

TT	Mã HSSV	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Điểm LTN	Điểm THN	Ghi chú
134	14150810212	Vũ Mai Thanh	CSSĐ2 - K14.CĐ9+	30/05/2008	7.0	8.4	
135	14150810305	Hoàng Khánh Ly	CS2.CSSĐ3.K14.CĐ9+	14/08/2008	8.0	8.5	
136	14150810309	Ngô Hà Phương	CS2.CSSĐ3.K14.CĐ9+	27/11/2008	9.0	8.8	
137	14150810307	Hoàng Minh Thư	CS2.CSSĐ3.K14.CĐ9+	07/03/2008	9.0	8.8	
138	14150810304	Nguyễn Thị Thúy Vân	CS2.CSSĐ3.K14.CĐ9+	17/06/2008	9.5	8.2	
139	14052082005	Nguyễn Thế Hiếu	TKT- K14.CĐ9+	14/11/2008	7.5	9.5	
140	14150820013	Phan Thị Thu	TKT- K14.CĐ9+	04/01/2008	8.5	9.5	
141	14150820016	Nguyễn Thị Hương Trà	TKT- K14.CĐ9+	04/08/2008	7.0	8.0	
142	14150820014	Nguyễn Việt Dũng	TKT- K14.CĐ9+	23/06/2008	6.5	7.5	
143	14151000105	Hoàng Thị Cá	CS2TT&BVTV1.K14.CĐ9+	25/02/2008	8.5	8.0	
144	14151000113	Lý Thị Cá	CS2TT&BVTV1.K14.CĐ9+	29/02/2008	8.0	7.5	
145	14151000117	Mùa A Chu	CS2TT&BVTV1.K14.CĐ9+	04/10/2008	8.0	8.0	
146	14151000108	Vàng Thị Dí	CS2TT&BVTV1.K14.CĐ9+	19/08/2008	8.0	8.0	
147	14151000104	Hơ Thị Chính Khua	CS2TT&BVTV1.K14.CĐ9+	14/10/2008	8.5	8.0	
148	14151000115	Thao Văn Ly	CS2TT&BVTV1.K14.CĐ9+	05/06/2008	7.0	8.0	
149	14151000106	Lý Thị Mào	CS2TT&BVTV1.K14.CĐ9+	23/03/2007	7.5	7.5	
150	14151000120	Phùng Quang Minh	CS2TT&BVTV1.K14.CĐ9+	29/09/2003	7.0	7.5	
151	14151000103	Lý Thị Chi Na	CS2TT&BVTV1.K14.CĐ9+	28/08/2008	8.0	9.0	
152	14151000110	Vàng Thị Sâm	CS2TT&BVTV1.K14.CĐ9+	14/02/2008	8.0	8.5	
153	14151000114	Lý A Tũa	CS2TT&BVTV1.K14.CĐ9+	15/04/2008	8.0	9.0	
154	14151000107	Thào Thị Vân	CS2TT&BVTV1.K14.CĐ9+	28/03/2008	7.5	7.5	
155	14151000101	Hoàng Thị Xoa	CS2TT&BVTV1.K14.CĐ9+	15/04/2008	7.5	7.5	
156	1415000109	Thào Thị Ly	CS2TT&BVTV1.K14.CĐ9+	10/11/2008	8.0	7.0	
157	1415000116	Hà Thị Phàn	CS2TT&BVTV1.K14.CĐ9+	20/11/2008	8.0	6.5	
158	14150910002	Đào Gia Hải Châu	Oto1 - K14.CĐ9+	22/05/2008	2.0	7.0	
159	14150910005	Phan Tiến Long	Oto1 - K14.CĐ9+	09/01/2008	8.5	7.0	
160	14150910027	Trần Duy Minh	Oto1 - K14.CĐ9+	07/03/2008	6.0	9.0	
161	14150910032	Nguyễn Hồng Quân	Oto1 - K14.CĐ9+	04/02/2008	6.0	9.0	
162	14150910028	Nguyễn Trọng Thái Sơn	Oto1 - K14.CĐ9+	04/08/2008	6.5	8.0	
163	14150910018	Trần Việt Tiến	Oto1 - K14.CĐ9+	22/04/2008	7.0	7.0	
164	14150910006	Nguyễn Khánh Việt	Oto1 - K14.CĐ9+	04/05/2007	5.5	8.0	
165	14150910030	Nguyễn Thế Ánh	Oto1 - K14.CĐ9+	02/10/2007	5.5	7.5	
166	14150910001	Nguyễn Anh Đức	Oto1 - K14.CĐ9+	12/03/2008	8.0	8.0	
167	1415090004	Dương Gia Huy	Oto1 - K14.CĐ9+	31/05/2008	1.0	7.5	

F.H.A
 NG
 ẮNG
 HỀ C
 ỘI
 10

TT	Mã HSSV	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Điểm LTN	Điểm THN	Ghi chú
168	14150910024	Phạm Văn Dũng	Oto1 - K14.CĐ9+	30/10/2008	6.5	7.5	
169	14150910025	Phạm Thủy Long	Oto1 - K14.CĐ9+	03/10/2007	6.0	8.0	
170	14150910008	Nguyễn Lâm Phú	Oto1 - K14.CĐ9+	07/08/2008	5.0	8.5	
171	14150910235	Trần Văn Giới	Oto 2 - K14.CĐ9+	26/10/2008	8.0	7.0	
172	14150910233	Quách Văn Hiệp	Oto 2 - K14.CĐ9+	06/11/2008	8.0	8.5	
173	14150910206	Nguyễn Gia Huy	Oto 2 - K14.CĐ9+	01/02/2008	7.5	8.0	
174	14150910230	Nguyễn Đăng Tiến	Oto 2 - K14.CĐ9+	04/12/2008	5.5	7.5	

(Danh sách gồm 174 sinh viên)



**BẢNG ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP ĐỢT 2 NĂM 2025**

Kiểm tra Quyết định số 2398/QĐ-CDCNC ngày 28/10/2025 của Hiệu trưởng
Trường Cao đẳng Công nghệ Cao Hà Nội)

TT	Mã HSSV	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Điểm LTN	Điểm THN	Điểm BVĐA	Điểm Chính trị TN	Ghi chú
CÁC KHÓA, HỆ KHÁC									
1	13150120112	Bùi Ngọc Bảo Lân	CGKL1 - K13.CĐ9+	24/08/2007	5.0				
2	13150120107	Lâm Quang Đại	CGKL1 - K13.CĐ9+	31/01/2007	5.0	6.5			
3	13150410111	Phùng Huy Tuệ Quang	ĐCN1 - K13.CĐ9+	20/07/2007	0.0				
4	13150450103	Lê Hữu Đức	SCMT1 - K13.CĐ9+	11/05/2007	5.0	5.0			
5	13150230133	Nguyễn Phú Quang	TKĐH1 - K13.CĐ9+	21/08/2007	5.5				
6	13150230135	Hoàng Phương Thảo	TKĐH1 - K13.CĐ9+	05/02/2007	5.0	7.5			
7	13150230142	Lê Công Sơn	TKĐH1 - K13.CĐ9+	30/8/2007	6.0				
8	13150230136	Ngô Đức Thiện	TKĐH1 - K13.CĐ9+	12/02/2007	5.5				
9	13150810220	Nguyễn Ngô Khánh Linh	CSSĐ1 - K13.CĐ9+	12/04/2007	8.0	8.0		5.0	
10	13150810229	Phạm Tú Quyên	CSSĐ1 - K13.CĐ9+	01/02/2007	8.5	8.0			
11	12070910102	Nguyễn Hoàng Anh	Ô tô 1 - K12.CĐ9+	06/02/2005				6.5	
12	12070910225	Nguyễn Đình Tuấn	Ô tô 2 - K12.CĐ9+	16/09/2006				5.5	
13	13150910232	Phan Tiến Nghĩa	Oto2 - K13.CĐ9+	09/01/2007	0.0	0.0			Vắng thi
14	10060120404	Vương Thế Anh	CGKL4 - K10.CĐ (Hw)	03/06/2000	5.0	5.0		5.2	
15	13060120221	Khuất Trường Giang	CGKL2 - K13.CĐ (Hw)	09/06/2004	5.0	5.0			
16	13060120204	Nguyễn Tiến Tài	CGKL2 - K13.CĐ (Hw)	20/09/2004	8.5	5.0			
17	13060120223	Nguyễn Quang Vinh	CGKL2 - K13.CĐ (Hw)	11/02/2003	8.5				
18	13060120224	Nguyễn Văn Hoàng	CGKL2 - K13.CĐ (Hw)	20/11/2004	9.0				
19	13060120203	Nguyễn Hoàng Việt	CGKL2 - K13.CĐ (Hw)	22/10/2003	5.0				
20	13060120218	Nguyễn Văn Yên	CGKL2 - K13.CĐ (Hw)	04/11/2004	5.0	7.5			
21	13060120231	Nguyễn Văn Thịnh	CGKL2 - K13.CĐ (Hw)	15/12/2004	5.0	5.5			
22	13060120222	Nguyễn Hữu Vượng	CGKL2 - K13.CĐ (Hw)	01/06/2003		7.5			
23	130601100109	Vũ Hữu Dương	CTTBCK1 - K13.CĐ	01/12/2004	3.5	7.0			
24	130601100112	Kim Mạnh Cường	CTTBCK1 - K13.CĐ	08/08/2004	5.0	8.0			
25	130601100110	Ngô Đình Khen	CTTBCK1 - K13.CĐ	04/12/2004	2.5	6.0			
26	130601100106	Nguyễn Tiến Mạnh	CTTBCK1 - K13.CĐ	13/09/2004	5.0				
27	130601100111	Nguyễn Thành Trung	CTTBCK1 - K13.CĐ	05/01/2004	5.0	6.0			
28	13060430101	Đỗ Thế Anh	ML1 - K13.CĐ	15/02/2004			8.0		
29	12060310129	Nguyễn Tiến Đạt	ĐCN1 - K12.CĐ	08/08/2003			8.0	5.2	
30	13060410140	Đỗ Thành Nghĩa	ĐCN1 - K13.CĐ	30/11/2004			8.2		
31	13060230142	Phạm Thị Hồng	TKĐH1 - K13.CĐ	26/09/2004			6.0		
32	13060230108	Lý Phương Hiền	TKĐH1 - K13.CĐ	09/06/2004			0.0		KDBV
33	13060230110	Đậu Thị Hoa	TKĐH1 - K13.CĐ	04/02/2004			0.0		KDBV
34	13060230148	Nguyễn Văn Tuấn	TKĐH1 - K13.CĐ	31/05/2004			6.5		
35	13060260127	Tạ Tiến Phương	UDPM1 - K13.CĐ	10/01/2004	8.0				
36	13060260124	Nguyễn Đức Trọng	UDPM1 - K13.CĐ	08/02/2004	6.0	5.5			
37	13060260144	Lê Khả Phi	UDPM1 - K13.CĐ	05/10/2004	5.5	5.5			



TT	Mã HSSV	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Điểm LTN	Điểm THN	Điểm BVĐA	Điểm Chính trị TN	Ghi chú
38	13060260111	Nguyễn Quang Huy	UDPM1 - K13.CĐ	19/10/2004	5.0	0.0			Vắng THN
39	13060240113	Hoàng Phó Tiến	Web1 - K13.CĐ	16/12/2004	6.0	6.0			
40	13060780106	Nguyễn Duy Hùng	TMBĐT1 - K13.CĐ	25/11/2002			7.7		
41	13060810119	Nguyễn Thị Cúc	CSSD1 - K13.CĐ	02/12/2003			9.0		
42	12060910121	Khuất Anh Kiệt	Ô tô 1 - K12.CĐ	04/09/2003			7.0		
43	12060910437	Ngô Mạnh Thành	Ô tô 4 - K12. CĐ	24/09/2003			7.0	5.0	
44	12060910442	Hà Tuấn Hiếu	Ô tô 4 - K12.CĐ	27/12/2003				5.4	
45	13060910115	Vương Huy Hoàng	Oto1 - K13.CĐ	16/12/2004			7.3		
46	13060910328	Nguyễn Thế Tân	Oto3 - K13.CĐ	01/10/2003			7.0		
47	13060910431	Nguyễn Xuân Thanh	Oto4 - K13.CĐ	26/06/2004			7.3		
48	13060910516	Nguyễn Thái Sơn	Oto5 - K13.CĐ	26/07/2004			8.0		
49	13060910034	Nguyễn Hữu Tân	Oto6 - K13.CĐ	31/07/2004			6.7		
50	13060910033	Phùng Văn Quyết	Oto6 - K13.CĐ	22/03/2004			6.7		
51	13060910002	Nguyễn Văn Bắc	Oto6 - K13.CĐ	07/08/2002			8.0		

(Danh sách gồm 51 sinh viên)

